

BỘ CÔNG THƯƠNG
Số: 32/2018/TT-BCT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 8 tháng 10 năm 2018

BỘ CÔNG THƯƠNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 32/2018/TT-BCT

Hà Nội, ngày 08 tháng 10 năm 2018

THÔNG TƯ

Quy định về Thẻ kiểm tra thị trường

Căn cứ Pháp lệnh Quản lý thị trường ngày 08 tháng 3 năm 2016;

Căn cứ Nghị định số [98/2017/NĐ-CP](#) ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Quyết định số 34/2018/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Quản lý thị trường trực thuộc Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư quy định về Thẻ kiểm tra thị trường.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu, cấp lại, thu hồi, tạm đình chỉ sử dụng Thẻ kiểm tra thị trường (sau đây gọi là Thẻ).

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cơ quan Quản lý thị trường các cấp, công chức làm việc tại cơ quan Quản lý thị trường các cấp và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc quản lý và sử dụng Thẻ

1. Thẻ được công chức Quản lý thị trường sử dụng để thực hiện nhiệm vụ kiểm tra việc chấp hành pháp luật của tổ chức, cá nhân trong phạm vi quy định của Điều 12 và Điều 17 Pháp lệnh Quản lý thị trường theo địa bàn hoặc lĩnh vực được phân công.

2. Công chức Quản lý thị trường được cấp Thẻ có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn Thẻ được cấp; không được tẩy, xóa, sửa chữa Thẻ; không được sử dụng Thẻ nhằm mục đích vụ lợi cá nhân hoặc đe dọa, gây cản trở hoạt động hợp pháp của tổ chức, cá nhân; trường hợp bị mất phải báo cáo ngay với Thủ trưởng cơ quan quản lý trực tiếp.

3. Nghiêm cấm công chức Quản lý thị trường, các tổ chức, cá nhân có hành vi sản xuất, tàng trữ, mua, bán, làm giả, mượn, cho mượn, cầm cố, thế chấp, sử dụng trái phép Thẻ.

4. Công chức Quản lý thị trường không có Thẻ hoặc trong thời gian bị thu hồi hoặc bị tạm đình chỉ sử dụng Thẻ không được ban hành quyết định kiểm tra và thực hiện hoạt động kiểm tra thị trường.

5. Đội trưởng Đội Quản lý thị trường, Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây gọi là Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) theo dõi, quản lý việc sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc đơn vị mình. Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường theo dõi, quản lý

việc sử dụng Thẻ đối với công chức thuộc các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường.

6. Trường hợp từ thời điểm cấp Thẻ tới thời điểm công chức đủ tuổi nghỉ hưu theo chế độ không đủ 05 năm, Thẻ được cấp có thời hạn sử dụng tới ngày công chức nghỉ hưu theo chế độ.

7. Thẻ đã cấp lần đầu theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường được sử dụng theo thời hạn ghi trên Thẻ trong trường hợp công chức được cấp Thẻ tiếp tục giữ chức vụ là người đứng đầu cơ quan Quản lý thị trường có thẩm quyền ban hành quyết định kiểm tra.

8. Tổng cục Quản lý thị trường lưu trữ hồ sơ cấp Thẻ và bản photo đối với Thẻ được cấp (bao gồm cả cấp lần đầu và cấp lại). Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường lưu trữ bản photo Thẻ được cấp cho công chức của đơn vị mình (bao gồm cả cấp lần đầu và cấp lại).

9. Kinh phí làm Thẻ do Nhà nước bảo đảm theo quy định của pháp luật.

Chương II

MẪU THẺ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP LẦN ĐẦU, CẤP LẠI, THU HỒI VÀ TẠM ĐÌNH CHỈ SỬ DỤNG THẺ

Điều 4. Mẫu Thẻ

1. Thẻ có hình chữ nhật bằng giấy, kích thước 90mm x 62mm, gồm 02 (hai) mặt, có ép lớp nhựa bảo vệ bên ngoài.

2. Mẫu Thẻ và mô tả Thẻ

a) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường: thực hiện theo Phụ lục số 4 ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Đối với Thẻ cấp cho công chức Quản lý thị trường theo quy định tại khoản 2 Điều 16 Pháp lệnh Quản lý thị trường: thực hiện theo Phụ lục số 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

3. Con dấu đóng trên Thẻ như sau:

a) Đối với Thẻ quy định tại điểm a khoản 2 Điều này: đóng dấu của Bộ Công Thương vào phần chữ ký của người cấp Thẻ; đóng 1/4 (một phần tư) dấu nổi thu nhỏ của Bộ Công Thương vào góc phải phía dưới ảnh màu của người được cấp Thẻ;

b) Đối với Thẻ quy định tại điểm b khoản 2 Điều này: đóng dấu thu nhỏ của Tổng cục Quản lý thị trường vào phần chữ ký của người cấp Thẻ; đóng 1/4 (một phần tư) dấu nổi thu nhỏ của Tổng cục Quản lý thị trường vào góc phải phía dưới ảnh màu của người được cấp Thẻ.

Điều 5. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lần đầu Thẻ

1. Cấp lần đầu Thẻ là việc công chức Quản lý thị trường lần đầu tiên được cấp Thẻ. Các trường hợp được cấp lần đầu Thẻ, tiêu chuẩn, điều kiện cấp lần đầu Thẻ thực hiện theo quy định tại Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lần đầu Thẻ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lần đầu Thẻ;

b) Danh sách đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phiếu công chức đề nghị cấp lần đầu Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh (đối với công chức của Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) hoặc xác nhận của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (đối với công chức là lãnh đạo Tổng cục Quản lý thị trường hoặc công chức của các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường);

d) 02 (hai) ảnh màu cỡ 03cm x 04cm của công chức được đề nghị cấp Thẻ. Trong đó, công chức chụp ảnh mặc trang phục áo thu đông (áo dài tay, vải màu xanh nhạt, cổ đứng), đội mũ kê-pi, đeo caravat, gắn đầy đủ cấp hiệu Quản lý thị trường. Ảnh chụp trong thời gian không quá 01 năm tính đến thời điểm lập hồ sơ; phía sau ảnh ghi đầy đủ nội dung: họ và tên công chức; tên Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh (đối với công chức thuộc Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) hoặc tên đơn vị trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (đối với công chức thuộc các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường);

đ) 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm ngạch công chức chuyên ngành Quản lý thị trường và 01 (một) bản sao được chứng thực của Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương đối với công chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

e) 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm giữ chức vụ lãnh đạo hiện tại và 01 (một) bản sao được chứng thực của quyết định bổ nhiệm ngạch công chức hiện tại đối với công chức quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Pháp lệnh Quản lý thị trường;

3. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, người có thẩm quyền cấp Thẻ xem xét, quyết định việc cấp Thẻ lần đầu. Trường hợp không cấp hoặc cần thiết phải kéo dài thời hạn xem xét cấp Thẻ thì người có thẩm quyền cấp Thẻ phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Thời hạn phải kéo dài thêm tối đa là 05 ngày làm việc.

Điều 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại Thẻ

1. Các trường hợp được cấp lại Thẻ, điều kiện cấp lại Thẻ cho từng trường hợp thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Pháp lệnh Quản lý thị trường.

2. Hồ sơ cấp lại Thẻ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại Thẻ;

b) Danh sách đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Phiếu công chức đề nghị cấp lại Thẻ theo mẫu tại Phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư này có xác nhận của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh (đối với công chức của Cục Quản lý thị trường cấp tỉnh) hoặc xác nhận của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường (đối với công chức là lãnh đạo Tổng cục Quản lý thị trường hoặc công chức của các đơn vị khác trực thuộc Tổng cục Quản lý thị trường);

d) 02 (hai) ảnh màu theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 5 Thông tư này;

đ) 01 (một) bản sao được chứng thực của Chứng chỉ bồi dưỡng chuyên môn, nghiệp vụ theo quy định của Bộ Công Thương đối với trường hợp đề nghị cấp lại Thẻ quy